

Số: /STNMT-TNN,KS

Đồng Nai, ngày tháng 02 năm 2025

V/v triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố Biên Hoà và Long Khánh.

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15, Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Thông tư 04/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước; Thông tư số 05/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc di chuyển, thay đổi vị trí, giải thể trạm quan trắc tài nguyên nước dưới đất;

Thực hiện Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Văn bản số 774/UBND-KTN ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Văn bản số 412/BTNMT-TNN ngày 17/01/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; tiếp theo Văn bản số 10144/STNMT ngày 04/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15,

Để việc triển khai thi hành hiệu quả các quy định của Luật Tài nguyên số 28/2023/QH15, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND các huyện, thành phố Biên Hoà và thành phố Long Khánh tổ chức thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được giao như sau:

I. Triển khai các nội dung liên quan đến kê khai, đăng ký và cấp giấy phép tài nguyên nước, cụ thể như sau:

- Theo khoản 1 Điều 2 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 quy định tài nguyên nước bao gồm: nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển.

- Giấy phép khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 bao gồm: giấy phép khai thác nước mặt, giấy phép khai thác nước dưới đất và giấy phép khai thác nước biển.

- Khoản 5 Điều 3 Luật Tài nguyên nước quy định “Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải được kê khai, đăng ký, cấp phép, phù hợp với khả năng đáp ứng

của nguồn nước, theo phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước và phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả“.

Do vậy, đề nghị UBND các huyện, thành phố Biên Hoà và thành phố Long Khánh rà soát, đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn, đề nghị các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan và người dân khi khai thác, sử dụng nước phải thực hiện hồ sơ, thủ tục kê khai, đăng ký hoặc cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định, tránh để xảy ra vi phạm. Cụ thể:

1. Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức thực hiện kê khai khai thác nước dưới đất:

a) Thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc đối tượng phải kê khai trên địa bàn.

b) Tổ chức thực hiện việc kê khai các công trình khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho sinh hoạt của mình từ ngày 01/7/2026 (quy định tại khoản 4 Điều 52, khoản 4 Điều 85 của Luật Tài nguyên nước).

2. Rà soát, hướng dẫn, tổ chức việc xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất thuộc thẩm quyền xác nhận của UBND cấp huyện đối với các trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Khai thác nước dưới đất có quy mô không vượt quá 10 m³/ngày đêm để sử dụng cho *mục đích khác* mục đích khai thác nước cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phòng cháy chữa cháy, mục đích phục vụ quốc phòng và an ninh, tưới cây và rửa đường phục vụ mục đích công cộng và mục đích sử dụng sinh hoạt của các hộ gia đình.

b) Sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyền quặng tại moong hoặc bơm hút nước để tháo khô lượng nước tự chảy vào moong khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 52 Luật Tài nguyên nước.

Trình tự, thủ tục xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và thực hiện theo quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 09/7/2024.

3. Rà soát, đôn đốc và hướng dẫn các chủ công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn quản lý thuộc trường hợp phải đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước (thẩm quyền xác nhận đăng ký, cấp phép của UBND cấp tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường) quy định tại khoản 1, 5 Điều 52 Luật Tài nguyên nước, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP (*cụ thể theo Phụ lục I, II đính kèm*) thực hiện việc đăng ký, đề nghị cấp giấy phép theo quy định.

4. Kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính đối với các đối tượng vi phạm về khai thác, sử dụng tài nguyên nước trái phép theo quy định của pháp luật (trường hợp vượt thẩm quyền lập đầy đủ hồ sơ, thủ tục báo cáo, đề xuất

UBND tỉnh xử lý theo quy định) và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường.

II. Quy định về hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tất cả các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất phải do tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề khoan để thực hiện thi công.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan được hoạt động hành nghề khoan trên phạm vi cả nước và được cấp phép ở quy mô nào thì được phép hành nghề ở quy mô đó và các quy mô nhỏ hơn; được hành nghề khoan, lắp đặt các lỗ khoan, giếng khoan trong các dự án điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác nước dưới đất và các công trình khoan khác có đường kính tương đương với quy mô hành nghề được cấp phép (quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP), cụ thể:

a) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách không vượt quá 110 mm và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm;

b) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách không vượt quá 250 mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm;

c) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách không lớn hơn 250 mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 3.000 m³/ngày đêm.

3. Lưu ý: Các đơn vị hành nghề khoan nước dưới đất chỉ được thi công giếng khoan đối với các công trình đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện kê khai, xác nhận đăng ký, cấp giấy phép theo quy định.

Do vậy, đề nghị UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã và các cơ quan liên quan thường xuyên nắm thông tin, tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định về khoan giếng và hành nghề khoan nước dưới đất theo thẩm quyền.

III. Các nội dung khác có liên quan

1. Tổ chức thực hiện việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa (gửi thông báo về kế hoạch xác định trong thời hạn 42 ngày kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và thông báo kết quả hoàn thành về Sở Tài nguyên và môi trường/Cục quản lý tài nguyên nước theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT); thanh tra, kiểm tra giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn theo thẩm quyền (quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT).

2. Tổ chức lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân có liên quan về tác động của công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước từ nguồn nước mặt nội tỉnh hoặc nguồn nước dưới đất có ảnh hưởng lớn đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân trên địa bàn quy định tại điểm a khoản 8 Điều 52 Luật Tài nguyên nước thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác tài nguyên nước và công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.

3. UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã, cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về khai thác, sử dụng nước, hành nghề khoan nước dưới đất theo quy định của pháp luật, không để xảy ra tình trạng khai thác tài nguyên nước trái phép, tình trạng tranh chấp về nguồn nước gây ảnh hưởng đến trật tự an ninh xã hội, đảm bảo an ninh nguồn nước và gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của tổ chức, cá nhân, tạo các “điểm nóng” về tranh chấp trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật nếu để xảy ra tình trạng tranh chấp về nguồn nước dẫn đến mất an ninh trật tự, làm thiệt hại tới lợi ích chính đáng và tài sản của nhân dân.

4. UBND cấp xã định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho sinh hoạt. Định kỳ trước ngày 31/12 hàng năm, UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

Trên đây là nội dung triển khai thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước theo Luật Tài nguyên nước năm 2023 và các văn bản quy định chi tiết hành Luật; đề nghị UBND các huyện, thành phố Biên Hoà và thành phố Long Khánh nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Đính kèm: Văn bản số 774/UBND-KTN ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh, Văn bản số 10144/STNMT ngày 04/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Phòng TN&MT các huyện, TP (để phối hợp t/h);
- UBND các xã, phường, thị trấn (để phối hợp t/h);
- Giám đốc; các Phó GD Sở (để b/c);
- Phòng: MT, Thanh tra (để phối hợp t/h);
- TTCNTT (đăng Website Sở);
- Lưu VT, TNN,KS;

Yen

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thế Vinh

PHỤ LỤC I. CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI ĐĂNG KÝ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(Đính kèm văn bản số /STNMT-TNN,KS ngày /02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Các công trình thuộc trường hợp phải đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt quy định tại các điểm a, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP bao gồm:

1. Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m³ đến 0,2 triệu m³; Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ nhỏ hơn 0,01 triệu m³ có quy mô khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản lớn hơn 0,1 m³/giây đến 0,5 m³/giây; công trình khai thác nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác lớn hơn 0,1 m³/giây đến 0,5 m³/giây.

2. Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện và các công trình tạm, thời vụ có thời gian sử dụng liên tục không quá 3 tháng) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch không vượt quá 30 m; đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ các công trình tạm, thời vụ có thời gian sử dụng liên tục không quá 3 tháng) có tổng chiều rộng thông nước không vượt quá 5m (trừ trường hợp công trình có các mục đích khai thác nước khác có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải có giấy phép và các công trình có các mục đích khai thác nước mặt khác thuộc trường hợp phải có giấy phép theo mục 10.2 tại văn bản này).

3. Sử dụng mặt nước hồ chứa để sản xuất điện mặt trời.

4. Sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ với diện tích mặt nước sử dụng có quy mô lớn hơn 100 m².

5. Các khu, điểm du lịch có hoạt động sử dụng mặt nước.

6. Đào sông, suối.

7. Đào hồ, ao để tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan có quy mô diện tích mặt nước lớn hơn 500 m².

8. Đào kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan có quy mô có lưu lượng dẫn nước có quy mô lớn hơn 0,1 m³/giây hoặc bề rộng đáy lớn hơn 0,5 m.

PHỤ LỤC II. CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Đính kèm văn bản số /STNMT-KS&TNN ngày /7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

I. Các trường hợp cấp gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường bao gồm:

1. Thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên;

2. Khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên;

3. Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây trở lên và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ trở lên hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/giây trở lên;

4. Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m³/giây trở lên;

5. Hồ chứa, đập dâng thủy lợi (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Mục này) có dung tích toàn bộ từ 20 triệu m³ trở lên;

6. Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên;

7. Khai thác nước mặt cho các mục đích khác có quy mô từ 50.000 m³/ngày đêm trở lên;

8. Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m trở lên. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m trở lên.

II. Các trường hợp cấp gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm:

1. Thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô lớn hơn 10 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm;

2. Khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô lớn hơn 10 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm;

3. Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/s đến dưới 5 m³/s và có dung tích toàn bộ nhỏ hơn 3 triệu m³;

4. Hồ chứa, đập dâng thủy lợi (trừ trường hợp quy định tại phần đăng ký) khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nhỏ hơn 2 m³/s và có dung tích toàn bộ nhỏ hơn 20 triệu m³;

5. Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng khai thác lớn hơn 0,5 m³/giây đến dưới 5 m³/giây.

6. Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy lớn hơn 50kW đến dưới 2.000 kW.

7. Khai thác nước mặt cho các mục đích khác có quy mô lớn hơn 100 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm.

8. Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch lớn hơn 30m đến dưới 60m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước lớn hơn 5m đến dưới 50 m.